

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ P
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2020/HS-ST
Ngày 18 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thu Hiền

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Thịnh – Bí thư Đoàn thanh niên phường P, thị xã P.
2. Bà Nguyễn Thế Phương – Chủ tịch Hội cựu chiến binh phường T, thị xã P.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thạch - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 138/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Thành N, tên gọi khác: không; sinh ngày 26/6/2002 tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 3/20 ấp Đình, xã X, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha: Lê Trọng Ng, sinh năm 1974; mẹ: Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1978; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt: Ngày 16/02/2020 (Có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Thành T, tên gọi khác: Ti; sinh năm 1998 tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 21/4 ấp A, xã T, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; cha: Nguyễn Thành Nh, sinh năm 1963; Mẹ: Võ Thị L, sinh năm 1964; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt: Ngày 18/02/2020 (Có mặt tại phiên tòa).

3. Huỳnh Quốc Th, sinh ngày 16/12/2002 tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 20/4D ấp 3, xã X, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:

Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; cha: Huỳnh Quốc C, sinh năm 1967; mẹ: Diệp Thị Kim P, sinh năm 1975; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt: Ngày 18/02/2020 (Có mặt tại phiên tòa).

4. Nguyễn Ngọc P, tên gọi khác: Lâm, sinh ngày 13/02/2001 tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 63/3Z ấp 1, xã X, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha: Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1965; mẹ: Đặng Thị Hồng Đ, sinh năm 1977; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt: Ngày 18/02/2020 (Có mặt tại phiên tòa).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Thành N: Ông Lê Trọng Ng, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1978 (Là cha mẹ ruột của bị cáo).

Nơi cư trú: Số 3/20 ấp Đ, xã X, huyện M, thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Huỳnh Quốc Th: Ông Huỳnh Quốc C, sinh năm 1967 và bà Lê Thị Kim P, sinh năm 1975 (Là cha mẹ ruột của bị cáo).

Nơi cư trú: Số 20/4D ấp 3, xã X, huyện M, thành phố Hồ Chí Minh (Bà Ph có mặt, ông C vắng mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Ngọc P: Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1965 và bà Đặng Thị Hồng Đ, sinh năm 1977 (Là cha mẹ ruột của bị cáo).

Nơi cư trú: Số 63/3Z ấp 1, xã X, huyện M, thành phố Hồ Chí Minh (Bà Đ có mặt, ông S vắng mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Thành N: Ông Lê Viết Th – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có đơn xin vắng mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Quốc Th: Ông Hoàng Đăng Vĩnh H- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc P: Ông Huỳnh Ngọc H – Luật sư thuộc đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

- Bị hại: Bà Vũ Thị M, sinh năm 1968

Nơi cư trú: Khu phố T, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Số 3/20 ấp Đ, xã X, huyện M, thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 15/02/2020, Lê Thành N rủ Nguyễn Thành T, Huỳnh Quốc Th, Trần Công Th và Nguyễn Ngọc P từ huyện M, thành phố Hồ Chí Minh đi xuống tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để tìm kiếm người sơ hở cướp tài sản bán lấy tiền tiêu xài thì được cả nhóm đồng ý.

N gọi điện thoại rủ thêm D (Chưa rõ nhân thân, lai lịch) đi cùng. N điều khiển xe mô tô biển số 53V1-1593 chở P, Th điều khiển xe mô tô hiệu Wave alpha màu xanh biển số 59G2-723.61 chở Th1, T điều khiển xe mô tô biển số 74H2-0275 chở Dũng, khi cả nhóm đang đi trên quốc lộ 51 hướng từ huyện T, tỉnh Đồng Nai về thành phố Vũng Tàu. Đến khoảng 02 giờ 15 phút ngày 16/02/2020, khi N, T, Th, Th1 và P đang đi trên đoạn quốc lộ 51, thuộc khu phố L, phường H, thị xã P thì nhìn thấy bà Vũ Thị M điều khiển xe máy chở rau đi ngược chiều nên cả nhóm đã nảy sinh ý định chặn xe của bà M để không chế cướp tài sản. Lúc này, N, T, Th quay đầu xe lại, N điều khiển xe chở Th chạy lên ép xe làm bà M bị té ngã, N, Th, P, T, Th1 và D chạy lại dùng tay, chân đánh bà M và lục soát tìm kiếm tài sản nhưng không tìm thấy tài sản, do bà M la hét, cầu cứu nên có lực lượng dân phòng khu phố L, phường H phát hiện truy đuổi nên Th1 ra hiệu cho cả nhóm lên xe bỏ chạy được một đoạn thì bị lực lượng dân phòng đuổi theo bắt giữ được N, đến ngày 18/02/2020 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P bắt giữ được T. Cùng ngày Th, P và T đến cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú để đầu thú. Quá trình điều tra, Lê Thành N, Nguyễn Thành T, Huỳnh Quốc Th, Trần Công Th1 và Nguyễn Ngọc P đã khai nhận hành vi dùng tay, chân đánh bà M để chiếm đoạt tài sản như đã nêu trên.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô hiệu Wave alpha màu xanh biển số 59G2-723.61 là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Hoàng L. Ngày 15/02/2020 anh L cho Huỳnh Quốc Th mượn xe để đi, anh L không biết Th sử dụng xe để cướp tài sản. Ngày 08/4/2020 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã xử lý vật chứng giao trả xe mô tô biển số 59G2-723.61 cho anh L theo Quyết định số 49/QĐ-CQCSĐT-CSHS.

Đối với 01 xe mô tô hiệu honda Dream biển số 53V1-1593, số máy: CA00ME-0424434, số khung: C100M-0424434; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen biển số 74H2-0275, số máy: 5C61-041288, số khung: RLCS5C6107Y041288 và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 74H2-0257 mang tên Lê Ngọc H, đã chuyển vật đến Chi cục Thi hành án dân sự thị xã bảo quản, chờ xử lý theo quy định của Pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Vũ Thị M có đơn từ chối giám định thương tích và không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Đối với Trần Công Th1 và Nguyễn Ngọc P trong quá trình điều tra do có nghi ngờ về năng lực trách nhiệm hình sự nên ngày 08/4/2020 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã quyết định trưng cầu giám định Pháp y tâm thần đối với Th1 và P. Tại Bản Kết luận giám định Pháp y tâm thần số: 275 ngày 03/6/2020 và số: 282 ngày 08/6/2020 của Viện Pháp y Tâm thần Trung ương Biên Hòa, Bộ Y tế, kết luận: Tại thời điểm gây án Th1 bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; hiện nay Th1 mất khả năng nhận thức và điều khiển

hành vi. Tại thời điểm gây án P bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; hiện tại P đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Ngày 08/7/2020 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can và quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với Trần Công Th1.

Đối với đối tượng Dũng hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Ngày 26/5/2020 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã thông báo truy tìm đối với D, khi nào có kết quả sẽ điều tra làm rõ hành vi phạm tội và xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 148/CT-VKS ngày 03/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã truy tố Lê Thành N, Nguyễn Thành T, Huỳnh Quốc Th và Nguyễn Ngọc P về tội “Cướp tài sản” theo Khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 168; điểm h, s Khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 91; Khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự để xử phạt Lê Thành N mức án từ 2 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù;

Áp dụng Khoản 1 Điều 168; điểm h, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt Nguyễn Thành T mức án từ 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 168; điểm h, q, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt Nguyễn Ngọc P mức án 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 168; điểm h, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự để xử phạt Huỳnh Quốc Th mức án 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bà M yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm cho bà số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), gia đình các bị cáo N, P và Th đồng ý bồi thường cho bà M số tiền trên và đã giao tiền cho bà M tại phiên tòa nên ghi nhận.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự tuyên trả lại 01 xe mô tô hiệu honda Dream biển số 53V1-1593, số máy: CA00ME-0424434, số khung: C100M-0424434 cho bà Nguyễn Thị Thu T; tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen biển số 74H2-0275, số máy: 5C61-041288, số khung: RLCS5C6107Y041288 và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 74H2-0257 mang tên Lê Ngọc H.

Quan điểm bào chữa của Luật sư Lê Viết Th đối với bị cáo Lê Thành N: Viện kiểm sát nhân dân thị xã P truy tố Lê Thành N về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết sau: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên khả năng nhận thức về pháp luật còn hạn chế, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Mặt khác gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ không có điều kiện để cho bị cáo đi học mà phải đi làm kiếm sống từ đó hiểu biết về pháp luật có phần hạn chế. Tại phiên tòa mẹ bị cáo N đã tự nguyện bồi thường thêm cho bị hại số tiền 500.000 đồng và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho

bị cáo. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo mức án dưới 03 năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo gây ra.

Quan điểm bào chữa của Luật sư Hoàng Đăng Vĩnh H đối với bị cáo Huỳnh Quốc Th: Viện kiểm sát nhân dân thị xã P truy tố Huỳnh Quốc Th về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết sau: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên khả năng nhận thức về pháp luật còn hạn chế, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tại phiên tòa mẹ bị cáo Th đã tự nguyện bồi thường thêm cho bị hại số tiền 500.000 đồng và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo mức án dưới 03 năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo gây ra.

Quan điểm bào chữa của Luật sư Huỳnh Ngọc H đối với bị cáo Nguyễn Ngọc P: Viện kiểm sát nhân dân thị xã P truy tố Nguyễn Ngọc P về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết sau: Bị cáo chưa cướp được tài sản gì nên được xem là phạm tội chưa đạt, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, thời điểm phạm tội bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do đó khả năng nhận thức về pháp luật bị hạn chế, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tại phiên tòa mẹ bị cáo P đã tự nguyện bồi thường thêm cho bị hại số tiền 500.000 đồng và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, h, q, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 15; Khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo mức án 01 (Một) năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo gây ra.

Bị cáo N, Th, P thống nhất với quan điểm bào chữa của người bào chữa, không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P đối đáp với quan điểm bào chữa của Luật sư: Người bào chữa cho bị cáo N và bị cáo Th đề nghị cho các bị cáo được hưởng án treo là không phù hợp vì các bị cáo tuy tuổi đời còn nhỏ nhưng có tính chất manh động, hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo lợi dụng lúc đêm khuya, đường ít người qua lại để thực hiện hành vi phạm tội và cố ý thực hiện hành vi phạm tội đến cùng. Đối với bị cáo N là người khởi xướng và rủ rê các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội nên cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe và giáo dục. Đối với quan điểm bào chữa của Luật sư Hoàng đối với bị cáo P là chưa phù hợp với mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi của bị cáo xác định mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo P là phù hợp. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên mức hình phạt đã đề nghị đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thành N, Nguyễn Thành T, Huỳnh Quốc Th và Nguyễn Ngọc P khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến gì về bản luận tội của Kiểm sát viên; Các bị cáo nói lời sau cùng xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng:

Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong quá trình điều tra, truy tố; Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi cũng như quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

[2.1]. Về tội danh: Lời khai nhận tội tại phiên tòa của Lê Thành N, Nguyễn Thành T, Huỳnh Quốc Th và Nguyễn Ngọc P phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai của bị hại cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 02 giờ 15 phút ngày 16/02/2020 tại đoạn đường quốc lộ 51, thuộc khu phố L, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Lê Thành N, Nguyễn Thành T, Huỳnh Quốc Th và Nguyễn Ngọc P đã có hành vi dùng vũ lực tấn công bà Vũ Thị M làm cho chị M không thể chống cự được nhằm mục đích cướp tài sản của bà M.

Do đó, hành vi của Lê Thành N, Nguyễn Thành T, Huỳnh Quốc Th và Nguyễn Ngọc P thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo Điều 168 Bộ luật Hình sự.

[2.2] Về khung hình phạt: Các bị cáo có hành vi dùng tay chân tấn công vào cơ thể bà M nhằm chiếm đoạt tài sản. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc Khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã P đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về vai trò và tính chất mức độ thực hiện hành vi của các bị cáo: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự câu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn không có tổ chức.

Trong vụ án này Lê Thành N đã khởi xướng và rủ rê các bị cáo khác xuống tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cướp tài sản của người đi đường để kiếm tiền tiêu xài. Khi phát hiện bà M đang đi trên đường các bị cáo N, T, Th và P đều cùng nhau chặn xe và dùng tay chân đánh vào người bà M để tìm kiếm tài sản trên người bà M nhưng trên người bà M không có tài sản gì để các bị cáo cướp là

ngoài ý muốn của các bị cáo. Do đó xác định mức độ thực hiện hành vi của các bị cáo là như nhau.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân:

[4.1]. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Lê Thành N, Nguyễn Thành T, Huỳnh Quốc Th và Nguyễn Ngọc P không có tình tiết tăng nặng.

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, tại phiên tòa các bị cáo N, Th, P đã tác động gia đình đã bồi thường thêm cho bị hại số tiền 1.500.000 đồng, bị hại đã nhận tiền và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo do đó cần áp dụng điểm b, h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Đối với bị cáo Th và P được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ do đã ra Cơ quan Công an để đầu thú về hành vi phạm tội của mình theo Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Riêng bị cáo P thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi do đó cần áp dụng thêm điểm q Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ.

[4.3]. Về nhân thân: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[5]. Về mức hình phạt: Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của bà M, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương nên đối với các bị cáo cần có một hình phạt đủ nghiêm để giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo N và Th thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức về pháp luật còn bị hạn chế do đó cần áp dụng Điều 91; Khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự để lượng hình. Tuy nhiên bị cáo N là người khởi xướng việc đi cướp tài sản và trực tiếp dùng vũ lực đối với bà M do đó cần có mức hình phạt nghiêm khắc hơn các bị cáo khác để răn đe giáo dục bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Thành T đã trưởng thành, ý thức được hành vi Cướp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, khi được N rủ đi cướp tài sản đáng lý bị cáo phải ngăn cản nhưng bị cáo không thực hiện mà thống nhất ý chí đi cướp tài sản cùng các bị cáo khác, trong vụ án này bị cáo đã trực tiếp dùng vũ lực đối với bà M để nhằm chiếm đoạt tài sản do đó cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc hơn các bị cáo khác để răn đe giáo dục bị cáo.

Đối với Nguyễn Ngọc P mặc dù cũng trực tiếp dùng vũ lực đối với bà M để nhằm chiếm đoạt tài sản nhưng tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên cần xem xét mức hình phạt phù hợp khi lượng hình.

Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên áp dụng thêm Khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bà Vũ Thị M đã nhận từ gia đình các bị cáo số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), bà M không tiếp tục yêu cầu bồi thường nên đã giải quyết xong.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda - Dream biển số 53V1-1593 mang tên Nguyễn Thị C, bà C đã bán lại chiếc xe này cho bà Nguyễn Thị Thu T (là mẹ ruột của bị cáo N). Do đó Hội đồng xét xử xác định chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của T, khi bà T đưa xe cho bị cáo N sử dụng bà T không biết bị cáo sử dụng xe để đi cướp tài sản nên cần trả lại chiếc xe trên cho bà T.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Yamaha – Sirius biển số 72H2 – 0275 mang tên ông Lê Ngọc H, quá trình điều tra ông H xác định năm 2014 ông đã bán lại chiếc xe trên cho một người thu mua xe cũ ở huyện L, tỉnh Quảng Trị (không rõ nhân thân lai lịch), khi bán không làm giấy tờ mua bán. Bị cáo T là người sử dụng chiếc xe trên nhưng không đưa ra được giấy tờ mua bán xe và nhân thân lai lịch của người bán xe cho bị cáo do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần giao lại chiếc xe trên cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P tiếp tục điều tra, xác minh, khi có kết quả sẽ xử lý sau.

[8]. Về án phí: Các bị cáo Lê Thành N, Nguyễn Thành T, Huỳnh Quốc Th và Nguyễn Ngọc P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Lê Thành N, Nguyễn Thành T (tức Ti), Huỳnh Quốc Th và Nguyễn Ngọc P (tức Lâm) phạm tội “Cướp tài sản”.

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 168; điểm b, h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 91, Khoản 1 Điều 101; Khoản 3 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Lê Thành N 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/02/2020.

2. Áp dụng Khoản 1 Điều 168; điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 3 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Thành T 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/02/2020.

3. Áp dụng Khoản 1 Điều 168; điểm b, h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 91, Khoản 1 Điều 101; Khoản 3 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Huỳnh Quốc Th 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/02/2020.

4. Áp dụng Khoản 1 Điều 168; điểm b, h, q, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 3 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Ngọc P 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/02/2020.

5. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

6. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu T 01 xe mô tô hiệu Honda, C100, kiểu dáng Dream, màu nâu biển số 53V1 – 1593, số máy: C100ME – 0424434, số khung: C100M – 0424434.

Giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, kiểu dáng Sirius, màu đen – bạc, biển số 72H2 – 0275, số máy: 52C61 – 041288, số khung: C6107Y041288 để tiếp tục điều tra, xác minh chủ sở hữu hợp pháp.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 104/BB-CCTHADS ngày 04/8/2020 giữa Viện kiểm sát nhân dân thị xã P và Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã P).

7. Về án phí Hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Lê Thành N, Nguyễn Thành T, Huỳnh Quốc Th và Nguyễn Ngọc P mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn).

Trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị cáo, bị hại, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã P;
- Công an thị xã P;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Phòng PV06 công an tỉnh BR-VT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thu Hiền

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Công Trường - Nguyễn Thế Phương

Phan Thu Hiền